Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 21.09.2019 15:00:57 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2029/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 20 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án "Phát triển chuỗi giá trị và cụm ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH, ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án "tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững" theo Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt đề án cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2021/TTr-SNN ngày 24 tháng 7 năm 2019 và Công văn số 2428/SNN-KHTC ngày 10 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án "Phát triển chuỗi giá trị và cụm ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh" với những nội dung chính sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng suất chất lượng hàng hóa, giảm giá thành sản xuất; tăng khả năng cạnh tranh của các loại nông sản thực phẩm, khai thác có hiệu quả các tiềm năng lợi thế của tỉnh phát triển bền vững, gắn sản xuất với chế biến, nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Hình thành một số vùng chuyên canh sản xuất nông sản theo chuỗi giá trị từng ngành hàng, nhất là những ngành hàng đã có doanh nghiệp gắn kết đầu tư sản xuất – tiêu thụ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị đối với các sản phẩm truyền thống, khắc phục những hạn chế đang tồn tại gồm lúa, mía, khoai mì, cao su, chăn nuôi bò thịt đảm bảo quy mô hợp lý đủ khả năng cạnh tranh trong nước và khu vực.

- Xây dựng, hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất rau, cây ăn trái nhiệt đới, nhất là sản phẩm đã và đang có tiềm năng thị trường, gắn kết sản xuất với chế biến, tiêu thụ.

- Đảm bảo các sản phẩm trong chuỗi giá trị có quy mô, chất lượng, an toàn thực phẩm và đáp ứng các yêu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Củng cố và phát triển các mối liên kết ngang và liên kết dọc; tăng cường vai trò của các tác nhân hỗ trợ giá trị như nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kỹ thuật và vật tư nông nghiệp, cơ giới hóa.

2. Nội dung thực hiện

2.1. Trồng trọt

- Cơ cấu lại diện tích sản xuất các loại cây trồng: giảm dần diện tích các loại cây trồng kém hiệu quả như cây lúa, mía, cao su; duy trì, phát triển ổn định đối với cây mì, rau, quả; khuyến khích mở rộng diện tích các loại cây ăn quả đáp ứng tốt thị trường nội địa và xuất khẩu (nhãn, xoài, bưởi, sầu riêng, chuối, dứa, mít...) và cây rau củ thực phẩm.

- Hạn chế cấp phép đầu tư nhà máy chế biến tinh bột; cơ cấu giảm số lượng các nhà máy chế biến đường, đảm bảo quy mô phù hợp với khả năng phát triển nguyên liệu; mở rộng thu hút nhà máy chế biến rau quả và cây ăn trái. Ứng dụng và chuyển đổi thiết bị, công nghệ chế biến hướng đến đa dạng các loại sản phẩm chế biến tinh bột, phụ phẩm, chế biến mì, mía đường đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và tận dụng triệt để các phụ phế phẩm nhằm giảm giá thành sản xuất.

- Xây dựng bản đồ nông hoá thổ nhưỡng làm cơ sở định hướng mức độ thích nghi của từng loại cây trồng phù hợp với từng vùng đất. Chuyển đổi cây trồng, cơ cấu lại vùng sản xuất, đảm bảo lợi thế cạnh tranh về điều kiện thổ nhưỡng cho từng loại cây trồng, đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến nông sản.

- Phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất và phục vụ chuyển đổi cây trồng theo định hướng (đê bao, hạ tầng tưới, tiêu, điện…); hạ tầng hỗ trợ chuyên sâu như: chợ đầu mối nông sản trọng điểm, trung tâm sản xuất giống cây trồng, hỗ trợ kỹ thuật, thiết bị và vật tư nông nghiệp, phân tích đánh giá chẩn đoán dịch hại, phân tích đánh giá chất lượng đất, đào tạo, tư vấn kỹ thuật,…

- Rà soát sắp xếp một số công ty nông nghiệp, từng bước xây dựng các vùng sản xuất chuyển đổi mô hình sản xuất có giá trị gia tăng cao theo hướng chuyên canh, tập trung, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn GAP và hữu cơ.

- Đẩy mạnh ứng dụng các giống mới, năng suất cao, sạch bệnh; chuyển đổi giống đối với các vùng trồng không đáp ứng thị trường; ứng dụng mạnh khoa học công nghệ, kỹ thuật tiến bộ, cơ giới hoá, công nghệ sinh học, vi sinh vào các khâu trong sản xuất (trồng, chăm sóc, khai thác, thu hoạch, bảo quản, chế biến).

- Củng cố, nâng cao hiệu quả, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ đối với nông sản hàng hoá có thế mạnh và tiềm năng của tỉnh.

- Xây dựng một số vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch.

2.2. Chăn nuôi

- Cơ cấu lại phương thức chăn nuôi, chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, quy mô trang trại, gia trại gắn với thị trường nhằm nâng cao năng suất, chất lượng. Tăng cường kiểm soát nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư. Tăng cường hỗ trợ, khuyến khích chăn nuôi an toàn dịch bệnh theo hướng VietGAHP.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất heo, bò giống; Tăng cường cải thiện giống, sử dụng tinh các giống heo thịt, bò chuyên thịt, bò sữa định hướng giới tính để lai tạo nâng cao chất lượng và năng suất; lựa chọn, lai tạo và nhân giống các giống gà thả vườn đặc trưng của địa phương cho năng suất cao, phẩm chất thịt ngon phù hợp thị hiếu người tiêu dùng.

- Hỗ trợ hướng dẫn người dân tiếp cận, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào chăn nuôi và xử lý chất thải. Đẩy mạnh ứng dụng truy xuất nguồn gốc, công nghệ thông tin, các hệ thống thiết bị thông minh, cơ giới hóa trong chăn nuôi; phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao.

- Thu hút doanh nghiệp chế biến, giết mổ hiện đại; chế biến đa dạng hoá các sản phẩm sữa.

- Hình thành, phát triển chuỗi liên kết chăn nuôi – chế biến – tiêu thụ thịt bò, thịt heo và sữa an toàn.

- Xây dựng thương hiệu bò thịt để mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Chuyển đổi một số quỹ đất công ty nông nghiệp sang phát triển vùng nuôi bò giống, bò vỗ béo làm động lực thúc đẩy hệ thống chuỗi chăn nuôi bò thịt, bò sữa phát triển.

2.3. Một số ngành hàng tiềm năng khác

Khuyến khích phát triển nông sản nhiệt đới có tiềm năng thế mạnh và phù hợp xu hướng thị trường; phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Thu hút đầu tư

- Tăng cường thu hút đầu tư các doanh nghiệp đầu tư trang trại chăn nuôi, vùng trồng ứng dụng công nghệ cao, các cơ sở chế biến sâu và đa dạng sản phẩm theo định hướng của tỉnh đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế địa phương gắn với bảo vệ môi trường.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư tại các hội nghị trong và ngoài nước; xây dựng các phim, tài liệu phục vụ truyền thông quảng bá thương hiệu nông sản Tây Ninh thông qua tham gia các hội chợ triển lãm; trên các kênh truyền thông, các báo và tạp chí lớn, các kênh online,... Liên kết với các hệ thống siêu thị và cửa hàng lớn trong và ngoài tỉnh nhằm tiêu thụ nông sản chủ lực của tỉnh. Xây dựng hệ thống danh mục và cơ chế chính sách cho các dự án nông

nghiệp cần thu hút đầu tư.

- Tăng cường công tác thông tin thị trường nhằm cung cấp kịp thời cho người sản xuất về tình hình giá cả, dự báo ngắn và dài hạn về xu hướng thị trường trong nước và trên thế giới.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải giáp để cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh: cải cách thủ tục hành chính, thủ tục hậu đăng ký doanh nghiệp, cắt giảm các chi phí không chính thức…

3.2. Tổ chức lại sản xuất

- Định hướng xây dựng các vùng nguyên liệu gắn chế biến; cơ cấu lại chế biến mía đường, chế biến tinh bột; mở rộng nhà máy chế biến rau quả và cây ăn trái; có cơ chế khuyến khích thúc đẩy đa dạng sản phẩm đường, cạnh đường, tinh bột, sau tinh bột và tận dụng phụ phẩm chế biến đường, tinh bột mì; khuyến khích phát triển chế biến, giết mổ gia súc, gia cầm qui mô hiện đại, đa dạng sản phẩm và các ngành hàng phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội địa phương đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tiếp tục triển khai cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển số lượng tổ hợp tác, hợp tác xã, nâng cao hiệu quả hoạt động theo hướng sản xuất hàng hóa; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp liên kết với nông dân, hình thành các chuỗi liên kết bền vững.

- Xây dựng cơ chế, giải pháp thúc đẩy hình thành các loại hình câu lạc bộ, nhóm dịch vụ kỹ thuật, cơ giới hóa,… chuyên cây trồng, vật nuôi.

- Tạo quỹ đất sạch, xây dựng tiêu chí phù hợp đấu thầu dự án thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ làm đầu tàu thu hút phát triển sản xuất nông hộ; triển khai phương án sắp xếp các công ty nông nghiệp do ngành nông nghiệp quản lý nhằm tạo quỹ đất sạch để thu hút các dự án đầu tư nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi cơ cấu sản xuất có giá trị gia tăng cao; rà soát quỹ đất và cho chuyển đổi một số diện tích công ty cao su, mía đường để phát triển chăn nuôi, rau, quả; đẩy mạnh đầu tư hạ tầng tạo điều kiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có thế mạnh, sản phẩm chủ lực của địa phương và thị trường.

3.3. Xây dựng cơ chế chính sách

Cụ thể hóa chính sách của Trung ương và triển khai thực hiện các chính sách của địa phương về hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn: chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chính sách hỗ trợ xây dựng liên kết sản xuất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020; chính sách thu hút dự án đầu tư, chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2016-2020; chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; chính sách hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi; chính sách sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và truy xuất nguồn gốc.

3.4. Khoa học công nghệ

- Tăng cường các hoạt động chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân, nhất là giống, kỹ thuật sản xuất, kiểm soát dịch hại và công nghệ sinh học, vi sinh hướng phát triển sản phẩm sạch, hữu cơ; đổi mới nội dung và phương pháp khuyến nông theo hướng sản xuất gắn với thị trường. Tạo điều kiện cho nông dân học tập, nghiên cứu về lĩnh vực sản xuất; tăng khả năng áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, chế biến, bảo quản, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ) gắn với phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ mới phục vụ sản xuất điều khiển tự động, sản xuất thông minh.

- Xây dựng bản đồ nông hoá thổ nhưỡng làm cơ sở định hướng mức độ thích nghi của từng loại cây trồng phù hợp với từng vùng đất.

3.5. Phát triển hạ tầng

- Nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các công trình thuỷ lợi hiện có; đầu tư xây dựng mới các trạm bơm, hệ thống kênh tiêu phục vụ sản xuất và chuyển đổi cây trồng; phát triển, nâng cấp hệ thống lưới điện đảm bảo cho hoạt động canh tác sản xuất nông nghiệp; nâng cấp, mở rộng hạ tầng giao thông nội vùng các vùng nguyên liệu, tạo điều kiện lưu thông hàng hoá dễ dàng, đặc biệt trong khu vực nội đồng.

- Từng bước phát triển các hạ tầng hỗ trợ chuyên sâu như: chợ đầu mối nông sản trọng điểm, trung tâm sản xuất giống cây trồng, hỗ trợ kỹ thuật, thiết bị và vật tư nông nghiệp, phân tích đánh giá chẩn đoán dịch hại, phân tích đánh giá chất lượng đất, đào tạo, tư vấn kỹ thuật,…

3.6. Thu hút nguồn lực

- *Cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư:* Tăng tỷ trọng vốn đầu tư của ngân sách tỉnh phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn nhất là vốn đầu tư phát triển, vốn thực hiện chính sách, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng chuyên môn. Chính quyền địa phương (huyện, xã) cần đổi mới phân bổ vốn nhất định cho đầu tư nông nghiệp gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- *Các nguồn vốn khác*: Phát triển và thu hút các nguồn vốn thông qua kêu gọi đầu tư xây dựng.

- *Đào tạo nguồn nhân lực*: Đào tạo và bố trí sử dụng hợp lý cán bộ chuyên môn kỹ thuật, cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm; xây dựng chính sách đẩy mạnh đào tạo nông dân, người sản xuất theo hướng gắn với sản xuất mô hình, trang trại, doanh nghiệp; tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp trong và ngoài nước về các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; tập trung nguồn nhân lực xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phục vụ vùng phát triển nông nghiệp theo định hướng. Thực hiện các chính sách thu hút nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao, đã qua đào tạo về nông nghiệp công nghệ cao về công tác trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- *Đầu tư công, định chế tài chính*: Chủ động tham gia các định chế tài chính từ nguồn Trung ương (ODA, Trái phiếu Chính phủ, Vốn vay ADB, WB, Jica,..) nhằm thu hút nguồn lực cho phát triển nông nghiệp. Huy động mạnh các nguồn lực xã hội, thúc đẩy đầu tư theo hình thức công tư để phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao chất lượng lựa chọn dự án đầu tư cho phát triển địa phương, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện Đề án; điều phối, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án, tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung đề án khi cần thiết.

- Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn; tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quản lý chuyên ngành; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách mới hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn để thực hiện hiệu quả đề án.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh xác định quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

- Lập kế hoạch, xây dựng, trình diễn và chuyển giao các mô hình về phát triển nông nghiệp, xây dựng Hợp tác xã, liên kết sản xuất...

- Xây dựng chương trình hành động, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và các huyện, thành, thị triển khai thực hiện đề án.

- Phối hợp với Phân viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp xây dựng bản đồ đánh giá mức độ thích nghi của từng loại cây trồng phù hợp với từng vùng đất.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án, định kỳ báo cáo kết quả cho UBND tỉnh.

4.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt quyết định cho chủ trương đầu tư dự án trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách địa phương hàng năm để triển khai thực hiện đề án.

- Theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện các dự án đầu tư đúng tiến độ, hiệu

quả, theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014.

4.3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, phân bổ nguồn vốn chi thường xuyên từ ngân sách địa phương cũng như ngân sách Trung ương hàng năm để triển khai thực hiện Đề án.

4.4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban, ngành liên quan đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hoá nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ; điều chỉnh cơ cấu đề tài nghiên cứu, tập trung vào các nhiệm vụ chính của đề án, qua đó hỗ trợ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nhiệm vụ.

- Hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm hàng hoá nông sản thế mạnh trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

4.5. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu đề xuất các chính sách thương mại, phân tích tìm hiểu các thị trường tiêu thụ, thúc đẩy xuất khẩu nông sản; hỗ trợ quảng bá sản phẩm hàng hoá thế mạnh của tỉnh; khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản gắn với thị trường tiêu thụ ổn định. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đẩy mạnh tiêu thụ nông sản từ các dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan đề xuất giải pháp chủ yếu phát triển các cửa hàng tiêu thụ nông sản sạch trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường, đầu tư mở rộng hệ thống điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

4.6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất của các công ty nông, lâm nghiệp, thu hồi diện tích sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả, tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

4.7. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về đào tạo, thu hút nguồn nhân lực phục vụ vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cho các Hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4.8. Sở Giao thông vận tải

Có kế hoạch sửa chữa nâng cấp hoặc làm mới các tuyến đường đến các vùng

quy hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

4.9. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và các doanh nghiệp trong và ngoài nước ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất nông nghiệp.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng trang thông tin điện tử hoặc lồng ghép các thông tin sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ để giới thiệu, quảng bá về tiềm năng phát triển nền nông nghiệp cũng như các chủ trương, chính sách, định hướng phát triển của tỉnh trong thời gian tới lên cổng thông tin điện tử của tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.10. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn sản phẩm, địa phương xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái, tạo ra những sản phẩm du lịch nông nghiệp mang tính đặc thù, hấp dẫn của địa phương.

4.11. Ngân hàng Nhà nước tỉnh

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn đã ban hành; tạo cơ chế thông thoáng về hồ sơ, thủ tục vay vốn để người dân có điều kiện đầu tư phát triển sản xuất.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các chương trình tín dụng cụ thể phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cơ cấu lại theo kế hoạch. Tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển các chương trình nông nghiệp trọng điểm của tỉnh; tín dụng phục vụ xây dựng nông thôn mới.

4.12. Liên minh Hợp tác xã

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tập huấn Luật Hợp tác xã năm 2012 nhằm thống nhất nhận thức trong toàn bộ hệ thống quản lý nhà nước, nhân dân về bản chất hợp tác xã và các quy định trong Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Hướng dẫn tổ chức lại hoạt động của các Hợp tác xã hiện hữu hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, đồng thời hình thành và phát triển tăng số lượng hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới hàng năm.

4.13. Các Sở, ban, ngành liên quan

Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong tổ chức thực hiện đề án; tham mưu cho UBND tỉnh về những vấn đề liên quan lĩnh vực ngành của mình quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện đề án có hiệu quả.

4.14. Các Hội, Hiệp hội, Tổ chức chính trị - xã hội

Tham gia thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ nông dân

hợp tác, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết.

4.15. UBND các huyện và thành phố

- Triển khai xây dựng kế hoạch sản xuất; rà soát, điều chỉnh, cơ cấu sản xuất theo hướng tập trung phát triển cây trồng, vật nuôi là lợi thế của địa phương, có khả năng cạnh tranh và phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh. Tăng cường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác chỉ đạo, phát triển sản xuất; vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của tỉnh để khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi, giải quyết về đất đai, giải phóng mặt bằng kịp thời để tạo diện tích đất sạch cho xây dựng các vùng nông nghiệp công nghệ cao, chợ đầu mối, cửa hàng tiêu thụ nông sản sạch; triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển nông nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; xây dựng các cửa hàng kinh doanh nông sản sạch; kiện toàn các Trung tâm Giáo dục ngành nghề – Giáo dục thường xuyên.

4.16. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

- Thực hiện có hiệu quả các chủ trương chính sách của Nhà nước và nội dung của Đề án phát triển chuỗi giá trị và cụm ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết trong sản xuất từ cung ứng các dịch vụ đầu vào đến thu mua chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, công nghệ và thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng tài nguyên.

- Đối với các doanh nghiệp Nhà nước: Thực hiện cổ phần hóa theo chủ trương của Nhà nước; rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất, để bàn giao lại cho chính quyền địa phương diện tích sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả, vượt khả năng quản lý.

- Đối với các doanh nghiệp tư nhân, khi được tỉnh phê duyệt chủ trưởng đầu tư, tổ chức triển khai dự án đầu tư đúng mục tiêu và thời gian theo quy định.

4.17. Các Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

- Từng bước mở rộng quy mô, thực hiện đổi mới hoạt động theo Luật Hợp tác xã sửa đổi được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012 và các quy định hiện hành.

- Thực hiện có hiệu quả phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.

4.18. Chế độ báo cáo

- Các Sở, ngành, UBND các huyện và thành phố và các đơn vị liên quan ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Đề án. Trước ngày 15/12 hàng

năm, báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Đề án gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Đề án hàng năm, báo cáo UBND tỉnh và các Bộ, ngành liên quan.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện. Định kỳ hàng năm tiến hành đánh giá báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Liên minh Hợp tác xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT TU; HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Hội nghề nghiệp tỉnh;
- Báo TN, Đài PTTH TN;
- LĐVP-CVK;
- Lưu VT, VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

16KTTC_V NAM_QDUB 30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến